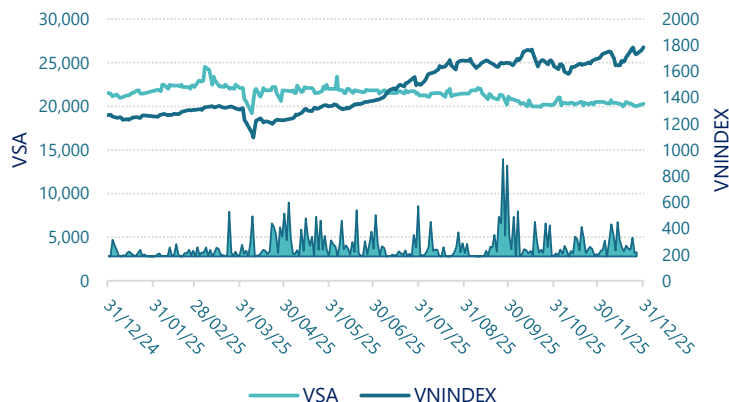




CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam (HNX: VSA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,528
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,191
SL cổ phiếu LH	14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,040
% sở hữu nước ngoài	2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	286
P/E	12.1
EPS	1,685

DT thuần

Q4/25

284

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.0 | 17.4%

YoY: ▼ 17.0 | -5.6%

LN sau thuế

Q4/25

1.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.56 | -80.2%

YoY: ▼ 4.45 | -73.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.8%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2025

1,080

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 21.0 | -2.0%

LN sau thuế

2025

23.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.80 | 8.4%

ROE

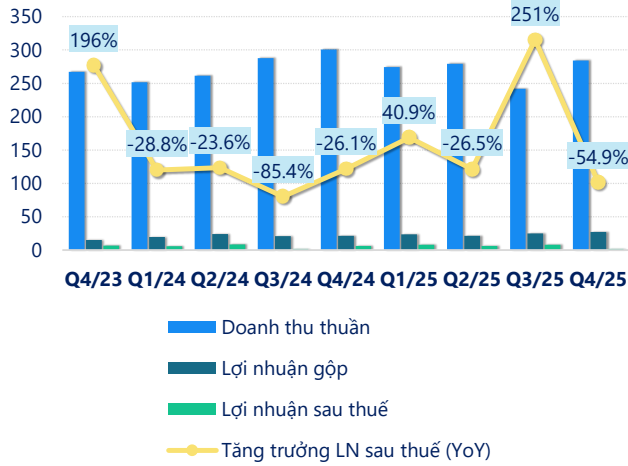
2025

7.0%

+/- YoY: ▲ 0.8%

tỷ VNĐ

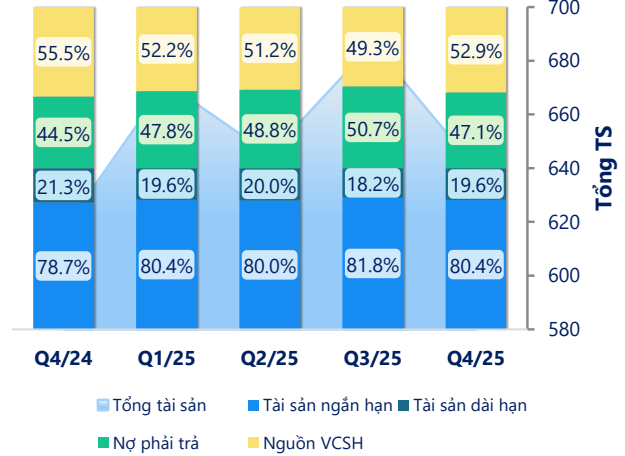
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

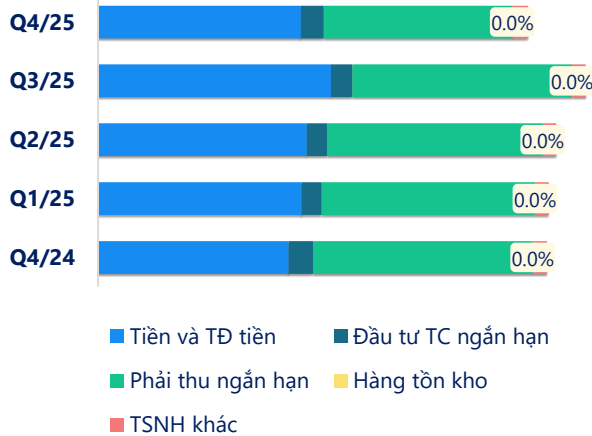
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



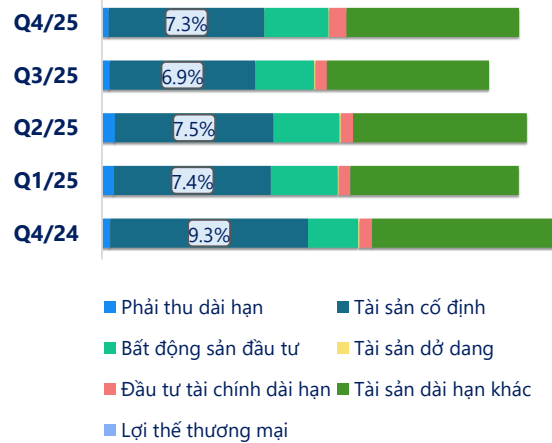
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

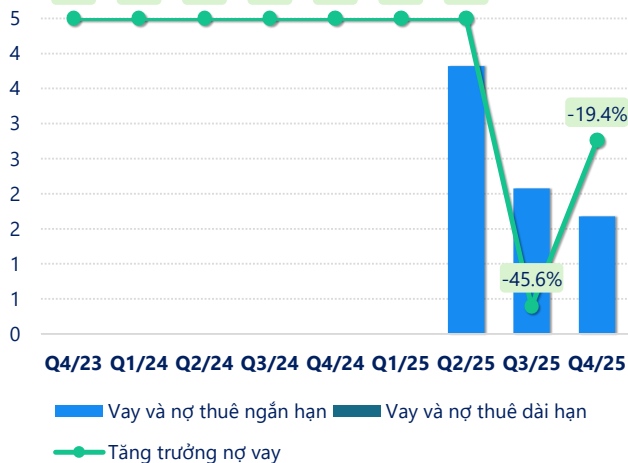
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

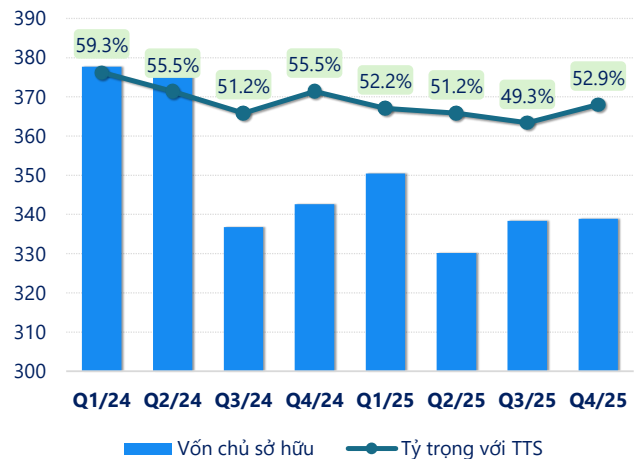
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

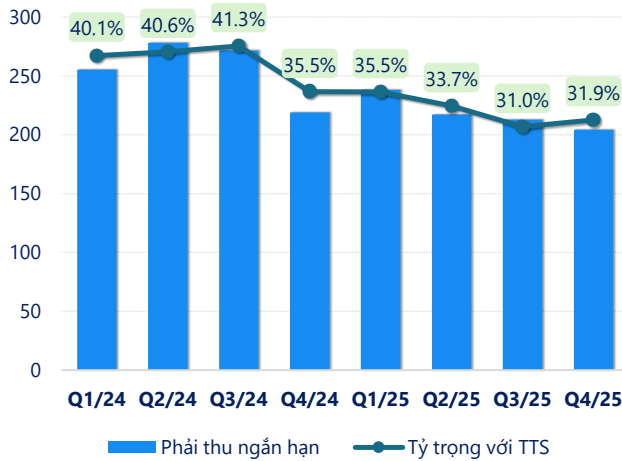
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



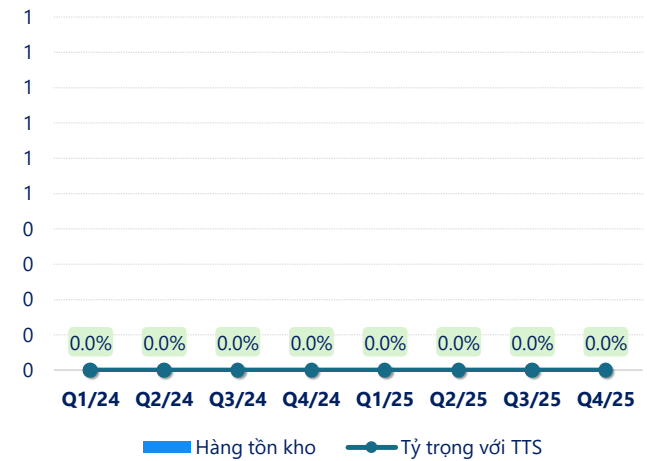
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


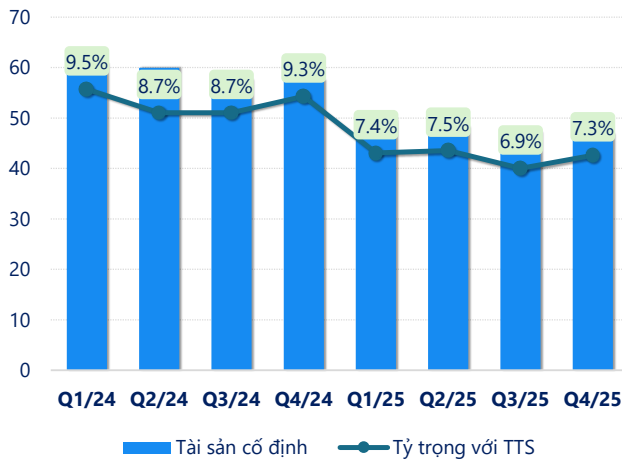
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


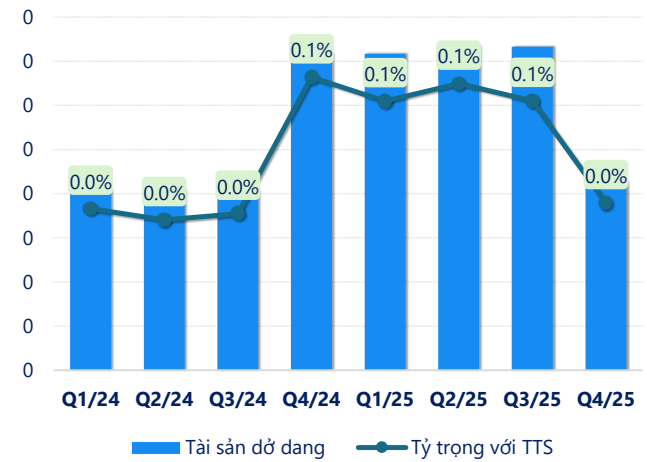
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

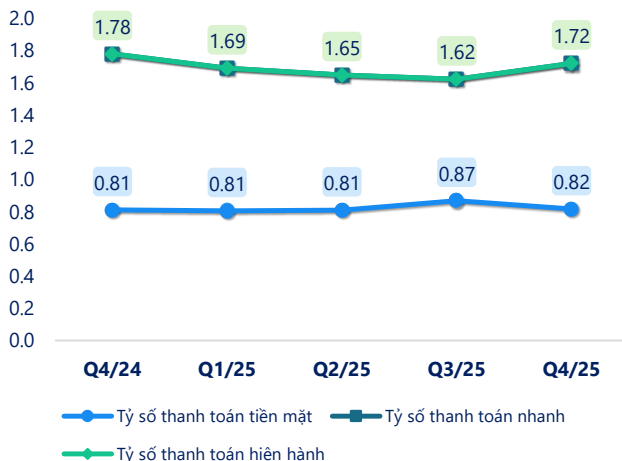
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

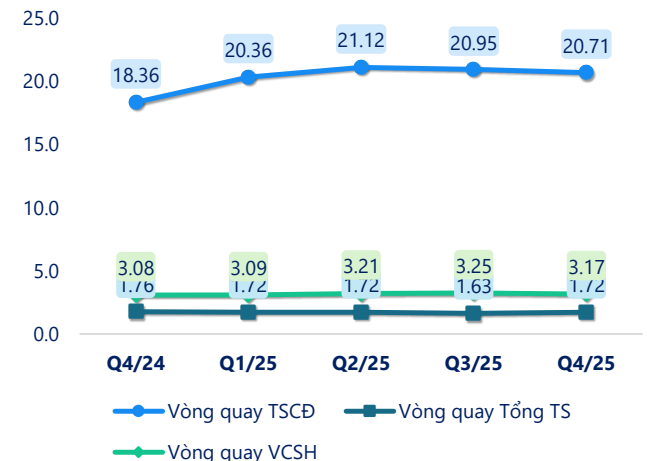
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	617	672	645	686	640
Tài sản ngắn hạn	486	540	516	561	515
Tiền và tương đương tiền	221	257	253	300	244
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.6	28.8	28.8	31.8	51.1
Phải thu ngắn hạn	219	238	217	213	204
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	18.6	16.0	17.0	16.3	15.2
Tài sản dài hạn	132	132	129	125	126
Phải thu dài hạn	2.37	3.79	3.91	2.42	2.06
Tài sản cố định	57.5	49.6	48.2	47.1	46.8
Bất động sản đầu tư	14.6	21.1	20.0	19.0	19.4
Tài sản dở dang	0.36	0.36	0.37	0.37	0.21
Đầu tư tài chính dài hạn	3.65	3.65	3.65	3.65	5.19
Tài sản dài hạn khác	53.3	53.2	52.8	52.4	52.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	275	321	315	348	301
Nợ ngắn hạn	273	319	313	346	299
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	3.82	2.08	1.67
Phải trả người bán ngắn hạn	106	104	99.2	82.4	92.1
Nợ dài hạn	1.82	1.94	1.94	1.94	2.32
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	343	350	330	338	339
Vốn chủ sở hữu	343	350	330	338	339
Vốn điều lệ	141	141	141	141	141
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)